

Bản án số: 02/2025/HNGĐ -ST

Ngày 16/01/2025

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Thao

Bà Nguyễn Thị Kim Huyền

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhớ - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLST - HNGĐ ngày 12/12/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXX- HNGĐ ngày 30/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Anh Nguyễn Như S, sinh năm 1991

Địa chỉ: T T, HQ, AT, Hưng Yên

- Bị đơn : Chị Đinh Thị Kiều O, sinh năm 1989

ĐKHKTT: T T, HQ, AT, Hưng Yên

Chỗ ở hiện nay: Ấp TB, xã BM, TB, Đồng Nai

Chị O, anh S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2024 và lời khai của anh S trình bày: Anh và chị O tự quen biết nhau, sau đó tìm hiểu nhau được gần 02 năm quyết định tiến tới hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trà Tân, Đức Linh, Bình Thuận vào ngày 27/10/2020. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 9/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, mỗi người một cách sống, cách nghĩ khác nhau, vợ chồng đã nói chuyện với nhau nhưng không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn, chị O về Đồng Nai sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó, không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị O.

- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai chị O trình bày: Chị và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trà Tân vào ngày 27/10/2020 và được gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thay đổi cách sống, cách nghĩ, vì vậy thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị bận công việc nên không thể chu toàn mọi việc gia đình, dẫn đến vợ chồng căng thẳng, anh S thường xuyên nhậu nhẹt, không chịu làm ăn. Anh chị đã nói chuyện và gia đình cũng hòa giải nhưng đều không có kết quả. Do mâu thuẫn tháng 4/2022 chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau. Nay anh S xin ly hôn chị nhất trí ly hôn và chị đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Ân Thi giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh S, vì lý do công việc nên chị đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

- Về con chung: Không có và hiện nay chị không mang thai
- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có.

Bà Mai Thị Y (Mẹ đẻ của anh S): Anh S, chị O quen biết nhau trong Nam, sau đó về báo cáo 02 gia đình và được hai bên gia đình tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trà Tân, Đức Linh, Bình Thuận vào năm 2020, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại Sài Gòn, được vài tháng vì hoàn cảnh gia đình có bố ốm nên về quê sinh sống, từ khi anh chị về quê ở thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân là do chị O không hòa hợp được cách sống ngoài bắc, gia đình và anh S đã động viên nhưng chị O cũng không thích nghi được, do vậy chị O về nhà bố mẹ đẻ ở Đồng Nai sinh sống. Bố chồng mất tháng 10/2024 nhưng chị O cũng không về mà chỉ hỏi thăm. Nhiều lần bà có nói chuyện với anh S xem vợ chồng giải quyết như thế nào, anh S có nói đã nói chuyện với chị O bảo chị O về nhưng chị O không về. Nay anh S xin ly hôn chị O đề nghị giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Tại phiên tòa ngày 16/01/2025: Anh S, chị O vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 BLTTDS HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; bị đơn; người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71, 78 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí. Đề nghị xử:

- Về tình trạng hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh S và chị O

- Về con chung: Anh S, chị O thống nhất không có con chung

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh S, chị O thống nhất không có.

Đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh S, chị O kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trà Tân, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận vào ngày 27/10/2020. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh S, chị O là hợp pháp. Nay anh S có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Chị O có ĐKKHKT tại T T, HQ, AT, mặc dù năm 2022 chị O sinh sống tại xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, Đồng Nai nhưng chị O có văn bản đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Ân Thi giải quyết nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Anh S, chị O đều xác định vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2022 nguyên nhân là do một phần vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị O bận công việc nên không lo chu toàn được việc gia đình, mặt khác chị O còn xác định anh S thường xuyên nhậu nhẹt, không chịu làm ăn, vợ chồng đã tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn, chị về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, phù hợp với lời khai của bà Y (mẹ đẻ của anh S). Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh S, chị O đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để

anh chị về đoàn tụ nhưng chị O có đơn đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải. Anh S, chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh S xin ly hôn, chị O đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy cả anh S, chị O đều không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân giữa anh S, chị O đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có đủ căn cứ để xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh S và chị O.

[3] Về con chung: Anh S, chị O thống nhất quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, chị O không mang thai.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh S, chị O thống nhất quá trình chung sống vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh S tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 BLTTDS;
- Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Như S và chị Đinh Thị Kiều O

2- Về con chung: Anh S, chị O thống nhất quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, chị O không mang thai

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Anh S tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0001402 ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả anh S 150.000 đồng

5- Quyền kháng cáo: Anh S, chị O có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Trà Tân, Đức Linh, Bình Thuận;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ái

